

## QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành;  
thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên  
nước, khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ, về kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC); Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát TTHC; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát TTHC;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát TTHC;*

*Căn cứ các Quyết định của Bộ Tài nguyên và Môi trường: Quyết định số 1235/QĐ-BTNMT ngày 15/5/2023, về việc công bố TTHC sửa đổi, bổ sung lĩnh vực tài nguyên nước; Quyết định số 1239/QĐ-BTNMT ngày 12/5/2023, về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực khí tượng thủy văn; Quyết định số 2031/QĐ-BTNMT ngày 21/7/2023, về việc đình chỉ một phần Quyết định số 438/QĐ-BTNMT ngày 01/3/2023 về công bố TTHC mới ban hành, TTHC sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 235/TTr-STNMT ngày 11/8/2023.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục TTHC mới ban hành; TTHC được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước, khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, chi tiết tại Danh mục kèm theo.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Các bộ phận tạo thành TTHC được công bố tại Quyết định này có hiệu lực theo ngày văn bản

quy phạm pháp luật có nội dung quy định về TTHC và trình tự thực hiện theo Quyết định công bố của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC-VPCP (b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh (Đ/c Hà);
- PCVP UBND tỉnh (Đ/c Thượng);
- UBND cấp xã do UBND cấp huyện gửi;
- Các phòng, TT thuộc VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC (Tg 3).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*(Handwritten signature in blue ink)*

**Nguyễn Tuấn Hà**

**DANH MỤC**  
**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC) SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC**  
**THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Quyết định số \_\_\_\_\_ /QĐ-UBND ngày \_\_\_\_/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk)*

**I. DANH MỤC TTHC MỚI BAN HÀNH, ĐÍNH CHÍNH (Theo Quyết định số 2031/QĐ-BTNMT ngày 21/7/2023)**

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
1	Đăng ký khai thác sử dụng nước mặt, nước biển	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012; - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023.	Toàn trình	x	x
2	Đăng ký khai thác nước dưới đất	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không		Toàn trình	x	x
3	Trả lại giấy phép tài nguyên nước	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không		Toàn trình	x	x
4	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không		Một phần	x	x

## II. DANH MỤC TTHC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, ĐÍNH CHÍNH

### 1. Danh mục TTHC sửa đổi, đính chính cấp tỉnh

STT	Tên thủ tục hành chính	Nội dung sửa đổi, đính chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng DVC TT	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
								Tiếp nhận	Trả kết quả
1	Lấy ý kiến UBND cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh; dự án đầu tư xây dựng hồ chứa, đập dâng trên dòng chính lưu vực sông liên tỉnh thuộc trường hợp phải xin phép; công trình khai thác, sử dụng nước mặt (không phải là hồ chứa, đập dâng) sử dụng nguồn nước liên tỉnh với lưu lượng khai thác từ	Đính chính tên TTHC theo Quyết định số 438/QĐ-BTNMT ngày 01/3/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường: “Lấy ý kiến UBND cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập dâng trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh”	- 40 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với việc lấy ý kiến đối với các dự án đầu tư xây dựng hồ chứa, đập dâng trên dòng chính lưu vực sông liên tỉnh thuộc trường hợp phải xin phép; công trình khai thác, sử dụng nước mặt (không	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012; - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023.	Một phần	x	x

	<p>10 m<sup>3</sup>/giây trở lên (1.001740)</p> <p>- (Số thứ tự 03 Mục I Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 20/4/2023)</p> <p>- Quyết định số 2031/QĐ-BTNMT ngày 21/7/2023</p>		<p>phải là hồ chứa, đập dâng) sử dụng nguồn nước liên tỉnh với lưu lượng khai thác từ 10m<sup>3</sup>/giây trở lên;</p> <p>- 60 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với việc lấy ý kiến đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh</p>						
2	<p>Cấp lại giấy phép tài nguyên nước (1.000824)</p> <p>- (Số thứ tự 07 khoản 1, Mục II Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 20/4/2023)</p> <p>- Quyết định số</p>	<p>Cơ quan thực hiện: UBND cấp tỉnh; Sở Tài nguyên và Môi trường</p>	<p>10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh</p>	<p>- Phí thẩm định hồ sơ: Trường hợp cấp lại giấy phép áp dụng mức thu bằng 50% cấp mới.</p> <p>- Giảm 20% mức thu quy định đối với việc thực hiện TTHC bằng hình</p>	<p>- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012;</p> <p>- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP;</p> <p>- Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022;</p>	<p>Toàn trình</p>	<p>x</p>	<p>x</p>

	2031/QĐ-BTNMT ngày 21/7/2023				thức trực tuyến.	Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023.			
3	<p>Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm (1.004232)</p> <p>- (Số thứ tự 1 khoản 1, Mục II Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 20/4/2023)</p> <p>- Số thứ tự 01 Mục II Quyết định số 1235/QĐ-BTNMT ngày 15/5/2023</p>	<p>Bổ sung tên văn bản quy phạm pháp luật vào phần căn cứ pháp lý: “Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường”</p>	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	<p>- Phí thẩm định hồ sơ:</p> <p>+ Phí thẩm định Thiết kế thăm dò có lưu lượng nước dưới 200m<sup>3</sup>/ngày đêm: 400.000 đồng;</p> <p>+ Đối với đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng nước từ 200 m<sup>3</sup> đến dưới 500 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 1.100.000 đồng;</p> <p>+ Đối với đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng nước từ 500 m<sup>3</sup> đến dưới 1.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 2.600.000 đồng;</p> <p>+ Đối với đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng nước từ 1.000 m<sup>3</sup></p>	<p>- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012;</p> <p>- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP;</p> <p>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023;</p> <p>- Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022; Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023.</p>	Một phần	x	x

					<p>đến dưới 3.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 5.000.000 đồng.</p> <p>- Giảm 20% mức thu quy định đối với việc thực hiện TTHC bằng hình thức trực tuyến.</p>				
4	<p>Gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm (1.004228)</p> <p>- (Số thứ tự 2 khoản 1, Mục II Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 20/4/2023)</p> <p>- Số thứ tự 02 Mục II Quyết định số 1235/QĐ-BTNMT ngày 15/5/2023</p>	<p>Bổ sung tên văn bản quy phạm pháp luật vào phần căn cứ pháp lý: “Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường”</p>	<p>25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh</p>	<p>- Phí thẩm định hồ sơ: Trường hợp thẩm định gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép áp dụng mức thu bằng 50% cấp mới.</p> <p>- Giảm 20% mức thu quy định đối với việc thực hiện TTHC bằng hình thức trực tuyến.</p>	<p>- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012;</p> <p>- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023;</p> <p>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023;</p> <p>- Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022; Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023.</p>	<p>Một phần</p>	<p>x</p>	<p>x</p>

5	<p>Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm (1.004223)</p> <p>- (Số thứ tự 3 khoản 1, Mục II Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 20/4/2023)</p> <p>- Số thứ tự 3 Mục II Quyết định số 1235/QĐ-BTNMT ngày 15/5/2023</p>	<p>Bổ sung tên văn bản quy phạm pháp luật vào phần căn cứ pháp lý: “Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường”</p>	<p>30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>	<p>- Phí thăm định Báo cáo khai thác, sử dụng nước dưới đất:</p> <p>+ Đối với báo cáo kết quả thăm dò có lưu lượng nước dưới 200 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 400.000 đồng;</p> <p>+ Đối với báo cáo kết quả thăm dò có lưu lượng nước từ 200 m<sup>3</sup> đến dưới 500m<sup>3</sup>/ngày đêm: 1.100.000 đồng;</p> <p>+ Đối với báo cáo kết quả thăm dò có lưu lượng nước từ 500 m<sup>3</sup> đến dưới 1.000m<sup>3</sup>/ngày đêm: 2.600.000 đồng;</p> <p>+ Đối với báo cáo kết quả thăm dò có lưu lượng nước từ 1.000 m<sup>3</sup></p>	<p>- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012;</p> <p>- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023;</p> <p>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP;</p> <p>- Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND; Nghị quyết 08/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023.</p>	<p>Một phần</p>	<p>x</p>	<p>x</p>
---	---	--	--	--	--	-----------------	----------	----------



					<p>đến dưới 3.000m<sup>3</sup>/ngày đêm: 5.000.000 đồng</p> <p>- Giảm 20% mức thu quy định đối với việc thực hiện TTHC bằng hình thức trực tuyến.</p>				
6	<p>Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm (1.004211);</p> <p>- (Số thứ tự 4 khoản 1, Mục II Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 20/4/2023)</p> <p>- Số thứ tự 4 Mục II Quyết định số 1235/QĐ-BTNMT ngày 15/5/2023</p>	<p>Bổ sung tên văn bản quy phạm pháp luật vào phần căn cứ pháp lý: “Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường”</p>	<p>25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh</p>	<p>- Phí thẩm định hồ sơ: Trường hợp thẩm định gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép áp dụng mức thu bằng 50% cấp mới.</p> <p>- Giảm 20% mức thu quy định đối với việc thực hiện TTHC bằng hình thức trực tuyến.</p>	<p>- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012;</p> <p>- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;</p> <p>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 và môi trường;</p> <p>- Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022.</p>	<p>Một phần</p>	<p>x</p>	<p>x</p>

7	<p>Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác nước dưới <math>2\text{m}^3/\text{giờ}</math> và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu <math>\text{m}^3</math>, hoặc lưu lượng khai thác từ <math>2\text{m}^3/\text{giờ}</math> trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu <math>\text{m}^3</math>, hoặc đối với công trình khai thác với lưu lượng khai thác dưới <math>5\text{ m}^3/\text{giờ}</math>; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000</p>	<p>Bổ sung tên văn bản quy phạm pháp luật vào phần căn cứ pháp lý: “Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường”</p>	<p>30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>		<p>- Phí thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt:  + Đối với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho các mục đích khác với lưu lượng dưới <math>500\text{ m}^3/\text{ngày}</math> đêm: 600.000 đồng;  + Đối với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ <math>0,1\text{m}^3/\text{giờ}</math> đến dưới <math>0,5\text{m}^3/\text{giờ}</math> hoặc để phát điện với công suất từ 50 kw đến dưới 200 kw hoặc cho</p>	<p>- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012;  - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023;  - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023;  - Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022; Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023.</p>	<p>Một phần</p>	<p>x</p>	<p>x</p>

<p>m<sup>3</sup>/ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất bao gồm cả nuôi trồng thủy sản, kinh doanh, dịch vụ trên đất liền với lưu lượng dưới 1.000.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm</p> <p>(1.004179)</p> <p>- (Số thứ tự 5 khoản 1, Mục II Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 20/4/2023)</p> <p>- Số thứ tự 5 Mục II Quyết định số 1235/QĐ-BTNMT ngày 15/5/2023</p>			<p>các mục đích khác với lưu lượng từ 500m<sup>3</sup> đến dưới 3.000m<sup>3</sup>/ngày đêm: 1.800.000 đồng;</p> <p>+ Đối với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 0,5m<sup>3</sup> đến dưới 1m<sup>3</sup>/giờ hoặc đề phát điện với công suất từ 200 kw đến dưới 1.000kw hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 3.000m<sup>3</sup> đến dưới 20.000m<sup>3</sup>/ngày đêm: 4.400.000 đồng;</p> <p>+ Đối với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông</p>				
--	--	--	--	--	--	--	--

					<p>nghiệp với lưu lượng từ 1m<sup>3</sup>/giây đến dưới 2m<sup>3</sup>/giây hoặc để phát điện với công suất từ 1.000 kw đến dưới 2.000 kw hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 20.000m<sup>3</sup> đến dưới 50.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm: 8.400.000 đồng.</p> <p>- Giảm 20% mức thu quy định đối với việc thực hiện TTHC bằng hình thức trực tuyến.</p>				
8	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác	Bổ sung tên văn bản quy phạm pháp luật vào phần căn cứ pháp lý: “Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một	25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	<p>- Phí thẩm định hồ sơ: Trường hợp thẩm định gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép áp dụng mức thu bằng 50% cấp mới.</p> <p>- Giảm 20%</p>	<p>- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012;</p> <p>- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023;</p> <p>- Nghị định số</p>	Một phần	x	x

<p>nước dưới 2m<sup>3</sup>/giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m<sup>3</sup>, hoặc lưu lượng khai thác từ 2m<sup>3</sup>/giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m<sup>3</sup>, hoặc đối với công trình khai thác với lưu lượng khai thác dưới 5 m<sup>3</sup>/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất bao gồm cả nuôi trồng thủy sản, kinh doanh, dịch vụ trên đất liền với lưu lượng dưới 1.000.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm (1.004167)</p>	<p>số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường”</p>			<p>mức thu quy định đối với việc thực hiện TTHC bằng hình thức trực tuyến.</p>	<p>22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; - Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022; Nghị quyết 08/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023.</p>			
---	--	--	--	--	---	--	--	--

	<p>- (Số thứ tự 6 khoản 1, Mục II Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 20/4/2023);</p> <p>- Số thứ tự 6 Mục II Quyết định số 1235/QĐ-BTNMT ngày 15/5/2023.</p>								
9	<p>Cấp Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ (1.004122);</p> <p>- (Số thứ tự: 11 Quyết định số 1119/QĐ-UBND ngày 14/5/2021);</p> <p>- Số thứ tự 7 Mục II Quyết định số 1235/QĐ-BTNMT ngày 15/5/2023.</p>	<p>Bổ sung tên văn bản quy phạm pháp luật vào phần căn cứ pháp lý: “Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường”</p>	<p>15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh</p>	<p>- Phí thẩm định hồ sơ: 1.400.000 đồng/hồ sơ.</p> <p>- Giảm 20% mức thu quy định đối với việc thực hiện TTHC bằng hình thức trực tuyến.</p>	<p>- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012;</p> <p>- Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014;</p> <p>- Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20/10/2022;</p> <p>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023;</p> <p>- Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022; Nghị quyết 08/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023.</p>	<p>Toàn trình</p>	<p>x</p>	<p>x</p>

10	<p>Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ (2.001738);</p> <p>- Số thứ tự 12 Quyết định số 1119/QĐ-UBND ngày 14/5/2021;</p> <p>- Số thứ tự 8 Mục II Quyết định số 1235/QĐ-BTNMT ngày 15/5/2023.</p>	<p>Bổ sung tên văn bản quy phạm pháp luật vào phần căn cứ pháp lý: “Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường”</p>	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	<p>- Phí thẩm định hồ sơ: 700.000 đồng/hồ sơ.</p> <p>- Giảm 20% mức thu quy định đối với việc thực hiện TTHC bằng hình thức trực tuyến.</p>	<p>- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012;</p> <p>- Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014;</p> <p>- Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20/10/2022;</p> <p>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023;</p> <p>- Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND; Nghị quyết 08/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023.</p>	Toàn trình	x	x
----	--	--	---	--	---	---	------------	---	---

11	<p>Cấp Giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (1.000987)</p> <p>- (Số thứ tự 17 Quyết định số 1119/QĐ-UBND ngày 14/5/2021)</p> <p>- Quyết định số 1239/QĐ-BTNMT ngày 12/5/2023</p>	<p>Bổ sung tên văn bản quy phạm pháp luật vào phần căn cứ pháp lý: “Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường”</p>	<p>15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh</p>	<p>Không quy định</p>	<p>- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012;</p> <p>- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023;</p> <p>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023.</p>	<p>Một phần</p>	<p>x</p>	<p>x</p>
12	<p>Sửa đổi, bổ sung, gia hạn, giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (1.000970)</p> <p>- (Số thứ tự: 18 Quyết định số 1119/QĐ-UBND ngày 14/5/2021)</p> <p>- Quyết định số 1239/QĐ-BTNMT ngày 12/5/2023</p>	<p>Bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường”</p>	<p>15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh</p>	<p>Không quy định</p>	<p>- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012;</p> <p>- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023;</p> <p>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023.</p>	<p>Một phần</p>	<p>x</p>	<p>x</p>



13	<p>Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (1.000943)</p> <p>- (Số thứ tự: 19 Quyết định số 1119/QĐ-UBND ngày 14/5/2021)</p> <p>- Quyết định số 1239/QĐ-BTNMT ngày 12/5/2023</p>	<p>Bổ sung tên văn bản quy phạm pháp luật vào phần căn cứ pháp lý: “Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường”</p>	<p>05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh</p>	<p>Không quy định</p>	<p>- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012;</p> <p>- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023;</p> <p>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023.</p>	<p>Một phần</p>	<p>x</p>	<p>x</p>
----	--	--	--	---	-----------------------	--	-----------------	----------	----------

## 2. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi cấp huyện

STT	Tên thủ tục hành chính	Nội dung sửa đổi	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng DVCTT	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
								Tiếp nhận	Trả kết quả
	<p>Lấy ý kiến UBND cấp huyện đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh; dự án đầu tư xây dựng hồ chứa, đập dâng trên sông suối nội tỉnh thuộc trường hợp phải xin phép; công trình khai thác, sử dụng nước mặt (không phải là hồ chứa, đập dâng) sử dụng nguồn nước nội tỉnh với lưu lượng khai thác từ 10 m<sup>3</sup>/giây trở lên; công trình khai thác, sử dụng nước dưới đất (gồm một hoặc nhiều giếng khoan, giếng đào, hố đào, hành lang, mạch lộ, hang động khai thác nước dưới đất thuộc sở hữu của một tổ chức, cá nhân và có khoảng cách liên kề giữa chúng không lớn hơn 1.000 m) có lưu lượng từ 12.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm trở lên” (1.001645);</p> <p>- Quyết định số 2031/QĐ-BTNMT ngày 21/7/2023</p>	<p>Sửa đổi tên thủ tục hành chính theo Quyết định 438/QĐ-BTNMT ngày 01/3/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường: “Lấy ý kiến UBND cấp xã, cấp huyện đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh”</p>	<p>30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>	<p>Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện</p>	<p>Không</p>	<p>- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012; - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023.</p>	<p>Một phần</p>	<p>x</p>	<p>x</p>